Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**TIẾT 97,98,99: NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG LÀNG CẢNH VIỆT NAM**

**(Trích) Xuân Diệu**

Ngữ văn lớp 8

Thời gian thục hiện: 18 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận

- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.

- Hiểu và rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học nói riêng, tạo lập văn bản nói chung.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái: tôn trọng sự ý kiến của người khác trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương, tôn trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.

- Chăm chỉ: thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm với phần việc được giao.

- Yêu văn chương, yêu nền văn học của dân tộc mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc thực hiện kĩ thuật KWL đã chuẩn bị qua việc soạn bài ở nhà, nhắc lại một số văn bản viết về mùa thu, về kiểu bài nghị luận văn học, thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** nghe câu hỏi, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nói được tên văn bản, tác giả, đọc được một đoạn trích từ văn bản.

**-** Học sinh nêu cảm nhận về vẻ đẹp của mùa thu được phác họa trong văn bản mà em yêu thích nhất. Thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.

- Hiểu phần viết ở bài 6 cũng là dạng nghị luận văn học, chỉ khác về thể loại: truyện và thơ.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Em hãy trình bày dựa trên bản KWL đã chuẩn bị: biết những tác phẩm nào viết về mùa thu? Hãy đọc một đoạn trong văn bản ấy. Cảm nhận của về vẻ đẹp của mùa thu được phác họa trong văn bản mà em yêu thích nhất. Thấy tác giả ấy viết về mùa thu có gì khác mọi người? Văn bản mà hôm nay em tìm hiểu có gì giống và khác văn bản em đã luyện viết ở bài 6? Điều em mong muốn được biết qua tiết học này?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** nêu câu hỏi

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi và nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: Mùa thu là mùa đẹp. Viết về mùa thu, văn chương xưa và nay có bao tác phẩm đặc sắc. Mỗi người cầm bút lại đem đến một phong cách riêng độc đáo. Trong đó phải kể đến ba bài thơ thu “nức danh” của Nguyễn Khuyến – thi sĩ được mệnh danh là “nhà thơ của mùa thu thôn quê Việt Nam”. Và Xuân Diệu đã từng viết bài bình đặc sắc về chùm ba bài thơ thu ấy. Tìm hiểu văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” để thấy vẻ đẹp của chùm ba bài thơ thu dưới góc độ của một nhà phê bình văn học. Từ đó học tập cách viết bài nghị luận văn học về tác phẩm thơ.

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Xuân Diệu  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1    (?)Trình bày những thông tin chính về tác giả Xuân Diệu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1  **HS**: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về Xuân Diệu  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | - Xuân Diệu (1916 - 1985)  - Tên đầy đủ: Ngô Xuân Diệu  - Quê: Hà Tĩnh  - Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tấm lòng yêu đời, ham sống thiết tha. Hoài Thanh từng nhận xét “thiết tha, rạo rực, sôi nổi, băn khoăn như Xuân Diệu”. Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận phê bình văn học |
| ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”của Xuân Diệu  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”:  + Xuất xứ  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt  + Luận đề  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc  - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS  - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp. | **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  - *Xuất xứ*: Trích trong tập “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập 2, xuất bản năm 1982.  - *Thể loại*: văn xuôi – bài phê bình văn học  - *Phương thức biểu đạt*: nghị luận  - *Luận đề*: Vẻ đẹp của mùa thu thôn quê Việt Nam qua ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến  Luận đề được thể hiện rõ nét ở nhan đề của văn bản, nội dung của bài viết đi sâu vào khám phá đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của ba bài thơ viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến.  - *Bố cục:*  + Phần 1: đoạn văn 1 – giới thiệu về 3 bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.  + Phần 2: Giới thiệu bài “Thu điếu”.  + Phần 3: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu ẩm”.  + Phần 4: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu vịnh”.  + Phần 5: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu điếu”.  + Phần 6: Đánh giá khái quát lại |
| ***Chuyển dẫn***: …. | |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Phần 1 – giới thiệu vấn đề** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện và nêu được câu từ giới thiệu vấn đề của bài viết. Hiểu nhiệm vụ  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn trải bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về vấn đề của văn bản.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia nhóm lớp, nêu yêu cầu sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn và hoàn thành bằng cách trả lời câu hỏi sau:  (?) Tìm những từ ngữ giới thiệu vấn đề của bài viết mà người viết muốn trao đổi?  (?) Nhận xét về cách giới thiệu vấn đề?  (?) Gọi tên vấn đề ? Có cách diễn đạt, gọi tên khác thay cho từ “vấn đề” không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS đọc thầm đoạn văn số 1, 2 và gải quyết nhiệm vụ cùng nhóm bằng cách ghi câu trả lời lên “khăn trải bàn” của nhóm.  **HS** đọc SGK, làm việc cá nhân, làm việc cùng nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  **-** Gọi HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác chụp kết quả gửi lên  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của nhóm bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | + Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm  + Nức danh nhất là ba bài thơ thu: thu điếu, thu ẩm, thu vịnh  + ba bài thơ hay và điển hình nhất cho mùa thu của Việt Nam, ở miền Bắc nước ta  -> Giới thiệu vấn đề rõ ràng, ngắn gọn, hàm súc. Câu từ dùng chọn lọc, sáng tạo  - Vấn đề: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến rất hay làm nổi bật vẻ đẹp của mùa thu miền Bắc Việt Nam -> Vấn đề trao đổi thể hiện quan điểm đánh giá dưới góc nhìn riêng của một người nghệ sỹ, nhà phê bình văn học. Xuân Diệu đánh giá rất cao ba bài thơ thu, đánh giá cao tài năng của Nguyễn Khuyến.  -> Vấn đề được đề cập chính là luận đề của bài viết. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

1. Chỉ ra và nhận xét về bố cục của văn bản này, từ đó rút ra bố cục của các bài nghị luận văn học nói chung.

2. Vai trò của lý lẽ, bằng chứng trong bài nghị luận văn học?

3. Em thấy mối quan hệ giữa nhà văn và trang viết trong văn bản này như thế nào? Từ đó gợi cho em bài học gì?

**Dự kiến sản phẩm:**

1. Bố cục ba phần:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Phân tích, làm sáng tỏ vấn đề dựa trên luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng

- Kết thúc vấn đề: đánh giá khái quát lại vấn đề.

2. Lý lẽ: Lí lẽ trong VB nghị luận văn học là nhũng điểu được nêu ra một cách có căn cứ, hợp lô-gíc để làm rõ tính đúng đắn của luận điểm. Lí lẽ chỉ có sức thuyết phục khi nó căn cứ trên cơ sở tri thức văn học chuẩn xác. Đến lượt mình, lí lẽ được chứng minh bởi các bằng chứng.

- Bằng chứng: là các dẫn chứng được đưa ra làm sáng tỏ, tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Lí lẽ và bằng chứng là cơ sở cho luận điểm, không có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục thì luận điểm không thể đứng vững.

3. Trang viết mang dấu ấn riêng của người cầm bút. Những cảm nhận, suy nghĩ, đánh giá sâu sắc, tinh tế, mang những phát hiện riêng thể hiện một Xuân Diệu tài hoa, mẫn cảm.

- Người cảm nhận, phân tích, bình một tác phẩm văn học phải có những cảm nhận riêng, phát hiện mới mẻ, thể hiện một góc nhìn mới, đem đến cho người đọc, người nghe những sự trông nhìn, thưởng thức mới mẻ. Tránh sự sao chép, nhàm chán từ người khác.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

Hãy viết một đọan văn (khoảng 15 câu) trình bày cảm nhận về một câu thơ, hình ảnh thơ mà em thấy thú vị trong chùm thơ thu ấy của NK.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**\* Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**TIẾT 100: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

**-** Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.

**2. Về năng lực**

- Bước đầu biết viết câu văn, đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập mang lại giá trị diễn đạt cao.

- Giải thích được tác dụng của thành phần biệt lập trong câu.

**3. Về phẩm chất**

- Nâng cao ý thức sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Xác định thành phần câu trong đoạn văn sau: (làm phiếu học tập)*  *“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.”*  *(Làng- Kim Lân)*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, Gv dẫn dắt: Các em đã được tìm hiểu về các thành phần câu như CN, VN, bổ ngữ , trạng ngữ…các thành phần câu này nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu. Giờ học này chúng ta sẽ được tìm hiểu về các thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu. Chẳng hạn từ “chả nhẽ” trong câu trên là thành phần gì và vai trò của nó ra sao ? giờ học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | **Gợi ý:**  Thành phần câu của hai câu văn:  Câu 1:  - Chủ ngữ: Ông lão  - Vị ngữ: bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm.  Câu 2.  - Chủ ngữ: cái bọn ở làng.  - Vị ngữ: lại đổ đốn đến thế được.  => “Chả nhẽ” không phải là khởi ngữ, không phải là trạng ngữ… |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức tiếng Việt** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về các thành phần biệt lập (về dấu hiệu, tác dụng của các thành phần tình thái, cảm thán).  **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Câu văn: Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.  ?Từ chả nhẽ trong câu văn thể hiện nhận định của người nói với các sự việc được nói đến trong câu như thế nào?  ? Nếu không có từ chả nhẽ nói trên thì ý nghĩa sự việc của câu chứa nó có khác đi không ? Vì sao?  (?) Theo em hiểu, thành phần biệt lập là gì?  + Là thành phần không nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu.  + Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  (?) Từ việc phân tích ví dụ trong phiếu học tập số 2, hãy nêu hiểu biết của em về các thành phần biệt lập?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Thành phần tình thái** | **Thành phần cảm thán** | | Vị trí | linh hoạt đầu, giữa | thường đứng đầu câu | | Từ ngữ | Các từ tình thái như: hình như, dường như, có lẽ, … | các từ ngữ cảm thán như: Chao ôi, Trời ơi, Ôi… | | Ý nghĩa | được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. | bộc lộ tâm lí của người viết |   (?) Từ những hiểu biết trên, em hãy cho biết thế nào là thành phần tình thái, thế nào là thành phần cảm thán?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. Tri thức Tiếng Việt**  **1. Khái niệm:**  **a. Xét ví dụ:** Câu văn: Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.  - Từ “có lẽ”: thể hiện thái độ tin cậy thấp.  - Ý nghĩa không đổi -> nó không nằm trong cấu trúc câu, không trực tiếp nêu sự việc trong câu mà chỉ thể hiện đánh giá đối với người, sự việc được nói đến trong câu.  **b. Khái niệm:** Thành phần biệt lập là thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ) và cũng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  **2. Các thành phần biệt lập:**  **a. Thành phần tình thái**: thành phần thể hiện thái độ, cách đánh giá của ngưòi nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu.  Ví dụ:  **Chắc chắn** tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  -> **Chắc chắn** là thành phần tình thái, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin dược nói tới trong câu.  Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thi cô gái đã bước tới, **dường như** làm việc ấy hộ bố.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Dường như** là thành phần tình thái thể hiện ý không chắc chắn.  **b. Thành phần cảm thán**: thành phần được dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết (vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận,...).  Ví dụ: **Chao ôi**, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài.  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  **-> Chao ôi** là thành phần cảm thán bộc lộ sự xúc động.  **ơ,** cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?  (Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi) -> ơ là thành phần cảm thán bộc lộ sự ngạc nhiên. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập, các tình huống trong thực tiễn cũng như củng cố lí thuyết đã học.  - Phương pháp: thực hành luyện tập, nhóm.  **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1 (trang 66, SGK Ngữ văn 8, tập 2)**  Thành phần tình thái:  a. chắc hẳn: thể hiện thái độ chắc chắn với nội dung được nhắc đến trong câu.  b. hình như: thể hiện thái độ phỏng đoán không chắc chắn.  c. có lẽ: dự đoán của người viết về sự vật, hiện tượng được nhắc đến trong câu. **Bài tập 2 (trang 66, SGK Ngữ văn 8, tập 2)**  - 3 – 5 từ chỉ thái độ, cách đánh giá của người nói về mức độ tin cậy (theo trình tự tăng dần) của sự việc được nói tới: có vẻ như - chắc - chắc chắn  - Đặt câu:  1. Có vẻ như cậu bé đang rất buồn.  2. Chắc chiều nay sẽ mưa đấy.  3. Tôi chắc chắn sẽ được học sinh giỏi năm học này.  **Bài tập 3 (trang 66, SGK Ngữ văn 8, tập 2)**  Thành phần cảm thán:  a. Trời ơi: bộc lộ cảm xúc thán phục và cầu khẩn ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột của mình.  b. ứ hự: bộc lộ cảm xúc ngỡ ngàng và tiếc rẻ thời gian đã qua. |

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các thành phần biệt lập đã học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của em về hình ảnh mùa thu trong đoạn thơ sau và có sử dụng thành phần biệt lập:

*“Em không nghe rừng thu.*

*lá thu kêu xào xạc,*

*con nai vàng ngơ ngác*

*đạp trên lá vàng khô?”*

(Lưu Trọng Lư)

- HS nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài tập, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**TIẾT 101,102: ÔN TẬP GIỮA KỲ II**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- HS củng cố các kiến thức đã học trong bài, nắm vững đặc điểm của văn bản nghị luận văn học, phân biệt văn bản nghị luận văn học với văn bản nghị luận xã hội; thực hành sử dụng thành phần biệt lập khi viết đoạn văn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- HS hiểu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; từ đó trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất**

- Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật, tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, máy tính, máy chiếu...

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học, phiếu học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV yêu cầu HS:

**Câu 1:**Hoàn thành phiếu học tập số 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** |
| **Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam** |  | Luận điểm 1:  Luận điểm 2: |
| **Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa** |  | Luận điểm 1:  Luận điểm 2: |

HS hoàn thành phiếu học tập số 1 – GV gọi HS trả lời, chốt đáp án trên màn hình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** |
| **Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam** | Vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến | - Luận điểm 1: Vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, khái quát về cảnh thu ở bài Thu ẩm  - Luận điểm 2: Cái hồn, cái thần của cảnh vật mùa thu với vẻ thanh – trong – nhẹ - cao ở bài Thu vịnh  - Luận điểm 3: Thu điếu – bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Bắc Bộ Việt Nam |
| **Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa** | Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn | * Luận điểm 1: Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt. * Luận điểm 2: Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học. * Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc. * Luận điểm 4: Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tuỳ tiện trong tiếp nhận. * Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì. * Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn. |

**Câu 2:** Từ hai văn bản *Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* và *Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa,* hãy rút ra đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận văn học.

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** | | |
| **Khái niệm** | Văn bản nghị luận văn học |  |
| Luận đề |  |
| Luận điểm |  |
| Lí lẽ |  |
| Bằng chứng |  |
| **Yêu cầu** | |  |

HS hoàn thành phiếu học tập số 2 – GV gọi HS trả lời, chốt đáp án trên màn hình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** | | |
| **Khái niệm** | Văn bản nghị luận văn học | là loại văn bản nghị luận trong đó người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học (tác phẩm, tác giả, thể loại,...). |
| Luận đề | Là vấn đề chính (về tác phẩm, tác giả, thể loại,...) được bàn luận trong văn bản, thường thể hiện ở nhan đề, phần mở đầu hoặc được suy luận từ toàn bộ văn bản. |
| Luận điểm | Là những ý chính được triển khai nhằm cụ thể hoá luận đề, dựa trên đặc điểm của đối tượng được bàn luận. |
| Lí lẽ | Là những diễn giải của người viết về đặc điểm của một tác phẩm, tác giả, thể loại... |
|  | Bằng chứng | Là những câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh,... được dẫn từ tác phẩm văn học; hoặc những tài liệu, trích dẫn liên quan đến tác phẩm, tác giả, thể loại,... được dùng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| **Yêu cầu** | | Luận đề, luận điểm rõ ràng; lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục và được tổ chức một cách hợp lí. |

**Câu 3:** Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học.

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Văn bản nghị luận xã hội** | **Văn bản nghị luận văn học** |
| **Tương đồng** |  | |
| **Khác biệt** |  |  |

HS hoàn thành phiếu học tập số 3 – GV gọi HS trả lời, chốt đáp án trên màn hình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Văn bản nghị luận xã hội** | **Văn bản nghị luận văn học** |
| **Tương đồng** | là loại văn bản nghị luận trong đó người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề. | |
| **Khác biệt** | người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực đời sống xã hội (xã hội, chính trị, tư tưởng, đạo lý...) | người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học (tác phẩm, tác giả, thể loại,...). |

**Câu 4.** *Mỗi người đọc với sự khác biệt về lứa tuổi, nhận thức, trải nghiệm,... sẽ có những cách cảm nhận, đánh giá khác nhau về tác phẩm văn học.*

Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) với câu chủ đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai thành phần biệt lập.

GV hướng dẫn HS làm bài tập – HS làm bài

GV gọi HS trình bày bài làm, chốt kiến thức, chiếu bài làm mẫu.

Mỗi sáng tác nghệ thuật đều là một phát hiện sáng tạo độc đáo của người nghệ sĩ, họ gửi vào đó những cảm nhận, trăn trở và thông điệp về cuộc đời. Vì thế mỗi người đọc với sự khác biệt về lứa tuổi, nhận thức, trải nghiệm,... sẽ có những cách cảm nhận, đánh giá khác nhau về tác phẩm văn học. Khi đọc tác phẩm Dế mèn phiêu lưu ký của nhà văn Tô Hoài **chắc chắn** mỗi một lứa tuổi sẽ có những cảm nhận khác nhau về tác phẩm này. Với trẻ thơ, Dế mèn phiêu lưu ký là nơi khám phá thế giới của các con vật: dế mèn, xiến tóc, bọ ngựa, nhện, chuồn chuồn, ếch nhái, ễnh ương.... Lứa tuổi học sinh khi bắt đầu khám phá văn bản sẽ nhận thấy mỗi loài vật trong tác phẩm có tính cách, suy nghĩ, hành động như con người: Anh chàng Dế Mèn – **nhân vật chính** - khỏe mạnh nhưng kiêu ngạo, hung hăng đã gây ra cái chết của Dế Choắt, Gã Bọ Ngựa luôn huyênh hoang, khoác lác...Bên cạnh đó tuy là câu chuyện viết cho lứa tuổi thiếu nhi nhưng lại khiến người lớn cũng phải giật mình suy ngẫm, phải thức tỉnh và nhìn nhận lại chính mình. Cuộc gặp gỡ của Dế Mèn với Dế Choắt giúp ta có bài học về thái độ sống, với Dế Trũi giúp ta biết trân quý tình bạn, với những chú Kiến giúp ta biết cách làm việc theo trật tự và kỷ luật... Qua Dế Mèn phiêu lưu ký, người đọc đã thấy được tài năng và tư tưởng của nhà văn Tô Hoài vì thế mà câu chuyện của ông mới sống mãi với dòng chảy của thời gian, trở thành cuốn sách gối đầu giường của biết bao bạn đọc từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- “**Chắc chắn**”: thành phần tình thái, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin được nói tới trong câu.

- “**Nhân vật chính**”: Thành phần chêm xen, có tác dụng giới thiệu thêm về vị trí, vai trò của nhân vật Dế Mèn trong truyện.

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức và năng lực được tích lũy để đọc văn bản đúng trọng tâm và hiệu quả, chú ý đến những yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận như luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết được thể hiện trong văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ và dẫn dắt vấn đề:**  Tình mẫu tử có lẽ là tình cảm thiêng liêng nhất trên cuộc đời này. Mẹ là người sinh ra chúng ta, yêu thương và chăm sóc chúng ta vô điều kiện. Có lẽ chính vì vậy, tình mẫu tử từ xa xưa đã trở thành đề tài sáng tác bất tận cho văn học và nghệ thuật. Trong vô số những tác phẩm viết về mẹ, về tình mẫu tử, không thể không nhắc đến bài thơ Nắng mới của nhà thơ Lưu Trọng Lư. Bài thơ là nỗi nhớ về mẹ và tình yêu mẹ tha thiết của tác giả, người con chỉ còn có thể gặp mẹ ở trong mơ. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu về bài thơ này qua ngòi bút của nhà nghiên cứu phê bình văn học Lê Quang Hưng.  *-* GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, ngắt nhịp đúng, thể hiện được cảm xúc của người viết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản:**  GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 4.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  - GV lắng nghe, nhận xét, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  **II. Khám phá văn bản:** |
| |  |  | | --- | --- | | Văn bản: “*Nắng mới – Sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng*” | | | **Luận đề** | Hồn thơ thành thực phiêu diêu trong cõi mộng của nhà thơ Lưu Trọng Lư qua bài thơ Nắng mới | | **Luận điểm** | - Luận điểm 1: Nhận định về hồn thơ Lưu Trọng Lư qua bài thơ Nắng mới  - Luận điểm 2: Nhận định về cấu tứ của bài thơ  - Luận điểm 3: Bức tranh thiên nhiên “nắng mới”.  - Luận điểm 4: Nỗi nhớ và tình yêu của tác giả dành cho mẹ  - Luận điểm 5: Nhận định chung về bài thơ. | |  |  | | |

**\* GV hướng dẫn HS xác định các lí lẽ, bằng chứng dùng để làm sáng tỏ luận điểm:**

GV yêu cầu HS quan sát đoạn văn đầu văn bản, nhắc lại luận điểm chính của đoạn văn và xác định các lí lẽ, bằng chứng người viết đưa ra để làm sáng rõ luận điểm đó.

- **Luận điểm chính:** Nhận định về hồn thơ Lưu Trọng Lư qua bài thơ Nắng mới

**- Lí lẽ:** *Nắng mới* đã rọi vào cái tinh cảm muôn thuở mà bao giờ cũng mới mẻ ấy. Bài thơ có chất mộng của hoài niệm, của tâm trạng “chập chờn sống lại” nhưng rất thành thực, thành thực đến mức kì lạ. *Nắng mới* đã hội tụ được những vẻ đẹp nơi tâm hồn thơ Lưu Trọng Lư: thành thực phiên lưu trong cõi mộng, cứ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy.

**- Bằng chứng:** Nhận định của Hoài Thanh về hồn thơ Lưu Trọng Lư trong cuốn Thi nhân Việt Nam.

*“Dầu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở vế với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hàng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì thơ Lư nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng hoà theo tiếng thổn thức của lòng ta”.*

**\* GV hướng dẫn HS phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết được thể hiện trong văn bản:**

GV yêu cầu HS quan sát đoạn văn *“Hai chữ “nắng mới”...* *nhớ rõ lắm”*

*? Tìm các câu văn thể hiện rõ ý kiến đánh giá chủ quan của người viết và các câu văn chứa bằng chứng khách quan mà người viết dùng để làm rõ luận điểm?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến đánh giá chủ quan** | **Bằng chứng khách quan** |
| *-* Cái nắng đầu mùa, mỗi năm chỉ có một lần, báo hiệu đã hết những tháng ngày lạnh ẩm. Thời điểm ấy, trong cuộc đời một con người, một gia đình, dễ nhớ kĩ, nhớ sâu lắm  - Nỗi nhớ nhung của Lưu Trọng Lư cũng được gợi lên từ đó. Song có một điều lạ: nắng mới lúc này sao mà buồn, mà mông lung đến thế. Nói khác đi, ngay lúc đặt bút viết *Nắng mới* thi sĩ đã chập chờn sống trong cõi mộng:  - Cái động của tiếng gà trưa xao xác chỉ thêm rõ cái tĩnh, vẻ mông lung mà thôi  - “Mỗi lần” lại nhắc nhớ “mỗi lần”. Nói là “chập chờn sống lại” nhưng nhà thơ nhớ rõ lắm. | - Bởi nó gắn với sự bừng nở, sự rộng lớn, phoi phong  - Các từ láy: *xao xác, não nùng, chập chờn* gợi một nỗi buồn nhẹ, một tâm trạng quạnh luu, xa vắng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung bài học/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, học sinh thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Học bài cũ

+ Sưu tầm các bài thơ viết về mẹ

+ Soạn bài 9: Hôm nay và ngày mai

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**TIẾT 103,104: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững các kiến thức về Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học đã học giữa học kì II.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng đặt câu, viết đoạn văn, làm bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

**3. Thái độ**

**-** Nghiêm túc khi làm bài.

**4. Những năng lực cần phát triển**

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:** Đề kiểm tra của nhà trường

**2. Trò:** Ôn tập kiến thức đã học.

**III.TỔ CHỨC DẠY HỌC .**

**Bước  *: Ổn định tổ chức:***

**Bước2: *Kiểm tra bài cũ:***

**Bước 3*: Bài mới***

**Đề bài**

***(Đề của nhà trường)***

***Bước 4.*** ***Giao bài, hướng dẫn học bài***

- Ôn tập lại kt đã học.

- Chuẩn bị : Cuộc choi tìm ý nghĩa

**BÀI 8. NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**TIẾT 105,106: CUỘC CHƠI TÌM Ý NGHĨA**

**( Trần Đình Sử )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Qua việc tìm hiểu VB *Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa,* HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB.

- HS học hỏi được cách nêu luận để, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.

- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

**2. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc và trình bày sản phẩm nhóm.

- Tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề, tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết hệ thống luận điểm, luận cứ trong bài nghị luận văn học có sử dụng lí luận văn học.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết dành cho văn học thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu mến, tự hào về các tác phẩm văn học đã được trải nghiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Ti vi, máy tính, bảng phụ.

- Tranh ảnh về các tác phẩm văn học, kiến thức lí luận văn học trên máy tính.

- Các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

-GV:

+ Trình chiếu hình ảnh, cho hs xem tranh ảnh : Hình ảnh về những cuốn sách văn học hay trên máy chiếu và nghe bài hát ‘‘ Quê tôi’’ để cảm nhận.

+ Nêu cảm nhận của em về những cuốn sách đó? GV có thể gợi ý: Sức cuốn hút của sách văn học đến từ ý nghĩa mà mỗi cuốn sách gợi lên, từ đó khiến người đọc khám phá sầu sắc hơn về bản thân và cuộc sống.

*+ Có tác phẩm văn học nào khiến em phải đọc đi đọc ỉại không? Vì sao em cần như vậy?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Quan sát những hình ảnh và nêu cảm nhận của mình.

- GV: Hướng dẫn học sinh quan sát ảnh và gợi ý những câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV: Gọi học sinh phát biểu trên tinh thần xung phong.

- HS: Trả lời các câu hỏi cảu GV đã đưa ra.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Trong bài ***“Tiếng nói của văn nghệ”*** Nguyễn Đình Thi từng viết: “Tác phẩm (văn học) vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”. Điều đó có nghĩa là văn học đóng một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển tâm hồn của mỗi con người. Đặc biệt là với lứa tuổi học sinh.

Tác phẩm văn học là kết tinh của tâm hồn người sáng tác. Mỗi tác phẩm văn học là tiếng nói của tác giả trong cuộc đời. Không ở đâu khác, văn học nảy sinh từ chính trong cuộc đời này. Nhà thơ Tố Hữu từng nói rằng: “Cuộc đời chính là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học”. Nghĩa là văn học được tạo ra để phục vụ cho cuộc sống mỗi chúng ta. Cuộc sống có trở nên tươi đẹp và nhân ái hơn là bởi có văn học. Vậy, đọc văn – chính là cuộc chơi tìm ý nghĩa của văn học.

**B. Hoạt động Hình thành kiến thức mới**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Biết cách đọc VB-Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc VB**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập** GV hướng dẫn:  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu  - Đọc suy ngẫm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc văn bản  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hs khác nhận xét, bổ sung cách đọc  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét, kết luận  **NV2: Tìm hiểu về tác gả, tác phẩm**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập** -GV cho hs hđ cá nhân  ? tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  - Văn bản “ Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa” viết về chủ đề gì?  -Văn bản thuộc thể loại nào?  - Nêu phương thức biểu đạt chính của tác phẩm?  - Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  -Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  HS:  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần). | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2.Tìm hiểu chú thích**  **a. Tác giả/ sgk**  **b. TP**  \* Nhan đề: Do người biên soạn sách đặt  \*Thể loại: lí luận văn học  \* Phương thức biểu đạt: Nghị luận  \* Bố cục: 3 phần  - Phần 1: đoạn (1) Giới thiệu vấn đề  - Phần 2: đoạn (2,3,4,5) Giải quyết vấn đề  - Phần 3: (6) Kết thúc vấn đề |

**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**1. Giới thiệu vấn đề**

**a.Mục tiêu:** HS xác định được luận để của VB. GV hướng dẫn HS căn cứ vào nhan đễ và nội dung của toàn bộ VB để khái quát luận đề ( vấn đề cần nghị luận)

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  Luận đề của văn bản Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Học sinh đọc lại nhanh các phần và trả lời câu hỏi của GV.  - GV: hướng dẫn HS tìm luận đề bằng cách tìm hiểu nhan đề, tìm hiểu nội dung của đoạn văn (1)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV: cho học sinh trả lời các câu hỏi.  - HS: Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kiến thức, chuẩn kiến thức  - GV lưu ý HS: Có trường hợp, luận đẽ được thế hiện ở nhan để hoặc ở phần mở đầu của VB, nhưng cũng có những trường hợp, nhan để hay phần mở đầu cùa VB không hàm chứa luận để. | **1. Giới thiệu vấn đề ( luận đề của văn bản)**  Trong văn bản Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa có những luận đề như sau:  - Đặc điểm quan trọng của văn học là có một ý nghĩa nhưng đó là ý nghĩa tiềm ẩn.  - Con người xây dựng nên rất nhiều lí thuyết và phương pháp để nắm bắt ý nghĩa  - Ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong văn bản mà còn nằm trong mối liên hệ trên nhiều phương diện, nhiều góc độ, nhiều mặt giữa văn bản. Ý nghĩa đó cũng có thể nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa văn bản với cuộc đời, xã hội.  - Tác phẩm văn học và đọc văn thật sự là một hiện tượng kì diệu, thú vị  - Đọc văn là nền tảng của học văn.  => Đó chính là bản chất, ý nghĩa của việc đọc văn |

**2. Giải quyết vấn đề**

**a.Mục tiêu:** Nhận diện được hệ thống luận điểm, luận cứ trong bài

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia nhóm: 6 nhóm  - Y/c các nhóm trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về phiếu học tập đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  - Thời gian nghiên cứu cá nhân trong nhóm là 2 phút, thảo luận nhóm 5 phút, sau đó cử đại diện trình bày.  **\* Nhóm 1:**  ? Em hãy chỉ ra các luận điểm trong tác phẩm. Các luận điểm đó có tác dụng làm rõ những khía cạnh nào của luận đề? Nhận xét về hệ thống luận điểm của bài.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức | **2. Giải quyết vấn đề**  **a. Hệ thống luận điểm của văn bản**  - Mỗi đoạn trong VB thể hiện một luận điểm:  + Luận điểm 1: Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt.  + Luận điểm 2: Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua VB văn học.  + Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc.  + Luận điểm 4: Người đọc được quyển tự do nhưng không thể tuỳ tiện trong tiếp nhận.  + Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì.  + Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn.  \* Các luận điểm đã làm rõ và chứng minh các vấn đề, ý nghĩa khác nhau của văn bản nhằm hướng tới các khía cạnh khác nhau của luận đề về mặt ý nghĩa cũng như lý thuyết. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kỳ |  |  | | --- | | Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tùy tiện trong tiêp |  |  | | --- | | Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt |  |  | | --- | | Giá trị của việc đọc văn |  |  | | --- | | Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn |  |  | | --- | | Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa của cuộc đời qua văn bản văn học |  |  | | --- | | Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **\* Nhóm 2**: Tác giả cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học thường không cố định. Câu văn nào trong văn bản giúp em hiểu rõ về vấn đề này?  ? Trong văn bản, các từ ngữ như chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi được lặp lại nhiều lần. Với những từ ngữ đó, tác giả lí giải như thế nào về việc đọc văn?  **Nhóm 3**: Luận điểm “cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc” ở đoạn (3) đã được tác giả làm sáng tỏ như thế nào? Em hãy bổ sung một số bằng chứng lấy từ trải nghiệm đọc của chính mình.  **Nhóm 4**: Trong đoạn (4) có câu: “Thưởng thức văn học cũng có quy luật.”. Câu văn đó nhắc nhở em điều gì?  **Nhóm 5:** Đọc đoạn (5) và cho biết vì sao tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì. Giọng văn trong đoạn (5) có gì khác với những đoạn còn lại?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức | **b. Câu văn dẫn chứng thể hiện ý nghĩa văn bản không cố định**  - Câu văn giúp hiểu rõ ý nghĩa của VB văn học thường không cố định là: *“Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ỷ nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tuỳ vào cách người ta thiết lập mối liên hệ giữa các loại VB với nhau?*  **c. Các từ ngữ làm nổi bật luận đề, luận điểm của văn bản**  + Các từ ngữ như chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi được lặp lại nhiều lần  -> tác giả lí giải việc đọc văn cũng sẽ giống như chúng ta đang tham gia một trò chơi  + Người đọc tham gia vào trò chơi nhiều bất ngờ  -> So sánh việc đọc văn với trò chơi và với âm nhạc  **d. Các lí lẽ, dẫn chứng làm rõ luận đề, luận điểm**  - Luận điểm “cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc” ở đoạn (3) đã được tác giả làm sáng tỏ bằng việc đưa ra nhiều tầng nghĩa, đa nghĩa, mơ hồ, không dễ tóm lược được bằng một câu nhận định hay một công thức nào đó.  + Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong vì vậy nên cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết vẫn luôn là một ẩn số và luôn được đào sâu tìm kiếm các tầng nghĩa khác nhau.  + Bằng chứng lấy từ trải nghiệm đọc của chính mình thông qua tác phẩm như: "Lão Hạc"…..  - Trong đoạn (4) có câu: “Thưởng thức văn học cũng có quy luật.”.  + Cảm nhận văn học một cách tuần tự giống như một bản nhạc. ( Chúng ta cần lắng nghe những lời nhạc từ khi bắt đầu dạo nhạc cho tới khi vào điệp khúc và tới hồi kết.)  + Người đọc được tự do tiếp nhận, nhưng không thể tùy tiện suy diễn.  - Đoạn (5) cho ta thấy được tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì.  - Giọng văn trong đoạn (5) khác với những đoạn còn lại ở điểm: giọng văn trong đoạn này mang tới nhiều lời  tâm sự, chia sẻ của tác giả tới người đọc, cụ thể như sau:  + Làm sống dậy và cụ thể hoá thế giới hình tượng tồn tại tiềm tàng trong tác phẩm, chuyển hoá nó thành “câu chuyện” của chính bản thân người đọc, buộc người đọc phải “toàn tâm toàn ý” suy nghĩ về nó, cũng có nghĩa là bận lòng, bận trí về “những điều chưa bao giờ nghĩ tới” trước khi đọc văn học.  + Xoá bỏ ranh giới giữa độc giả và nhà văn  + Đọc văn học cho phép độc giả có những cách cụ thể hoá khác nhau, diễn giải khác nhau về hình tượng trong tác phẩm. Tất cả những điều này làm cho thế giới hình tượng trở nên có tính chất mở, phát triển phong phú thêm lên qua từng trường hợp đọc. |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **Nhóm 6:** Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6). Mối quan hệ đó làm rõ ý nghĩa gì của việc đọc văn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức | **3. Kết thúc vấn đề**  - Mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6) làm rõ ý nghĩa của nội dung đoạn trích tập trung bàn về hai khái niệm: “tác phẩm văn học” và “đọc văn học”.  + Mối quan hệ nhân - quả ( đoạn 5 nhân, đoạn 6 kết quả)  + Đọc văn giúp tự phát hiện ra mình lớn lên, trưởng thành hơn trong hoàn thiện nhân cách ‘‘ Văn học là nhân học’’ ( M.Gorki) |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  ? Nêu nội dung chính về nghệ thuật và nội dung  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS trình bày sản phẩm. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lập luận chắc chắn, lô gic  - Cách nêu luận để, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc rất hợp lí.  **2. Nội dung**  - Đọc văn là nển tảng của học văn, muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn; đối với độc giả nói chung, đọc văn giúp “ *tự phát hiện ra mình và lớn lên”.* |

**C. Hoạt động: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:** Giáo viên giao bài tập trắc nghiệm cho HS ( máy chiếu)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV:Chiếu bài tập

HS:Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**D. Hoạt động: Vận dụng (viết kết nối với đọc)**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày luận điểm ‘‘ Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong’’

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GVgợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

*- Về nội dung:*

Mở đoạn: Giới thiệu vai trò của tác phẩm văn học đối với đời sống, trích luận điểm ‘‘ Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong’’

Thân đoạn

- Giải thích: Tại sao đọc tác phẩm không chỉ một lần…

- Vai trò, ý nghĩa của việc tiếp nhận tác phẩm văn học

+ Đọc tác phẩm không chỉ đọc một lần là xong mà đọc bằng cả trái tim, khối óc, tâm hồn người đọc.

+ Đọc để hòa mình vào trong tác phẩm văn học, sống trong tác phẩm. Thấy được những giá trị về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm

+ Đọc để tìm thấy sợi dây liên kết giữa tác giả - tác phẩm – độc giả, hiểu được ý đồ của tác giả gửi gắm qua tác phẩm.

+ Đọc để thấy được văn chương bồi đắp, rèn luyện cho con người những giá trị chân – thiện- mĩ.

- Lấy dẫn chứng phù hợp trong các tác phẩm văn học.

Kết đoạn: Đọc văn chính là hoàn thiện nhân cách để thấy mình lớn lên

*- Về hình thức:* Đoạn văn cần đảm bảo số câu theo yêu cẩu Các câu trong đoạn cần đúng chính tả, ngũ pháp; sử dụng từ ngữ phù hợp; đảm bảo sự liên kết, mạch lạc.

HS:

- Chú ý vào dàn ý viết đoạn hướng dẫn.

- Viết đoạn hoàn chỉnh.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên messenger.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống công nghệ thông tin mà GV đã hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

- Chấm, chữa bài viết cho HS

- Bài viết nào chưa đạt yêu cầu, cần viết lại lần 2.

**\* Chuẩn bị bài sau**: Học kỹ văn bản, đọc soạn Thực hành tiếng Việt

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| ? Em hãy chỉ ra các luận điểm trong tác phẩm. Các luận điểm đó có tác dụng làm rõ những khía cạnh nào của luận đề? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| ?Tác giả cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học thường không cố định. Câu văn nào trong văn bản giúp em hiểu rõ về vấn đề này?  ? Trong văn bản, các từ ngữ như chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi được lặp lại nhiều lần. Với những từ ngữ đó, tác giả lí giải như thế nào về việc đọc văn? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| Luận điểm “cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc” ở đoạn (3) đã được tác giả làm sáng tỏ như thế nào? Em hãy bổ sung một số bằng chứng lấy từ trải nghiệm đọc của chính mình. |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| Trong đoạn (4) có câu: “Thưởng thức văn học cũng có quy luật.”. Câu văn đó nhắc nhở em điều gì? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| Đọc đoạn (5) và cho biết vì sao tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì. Giọng văn trong đoạn (5) có gì khác với những đoạn còn lại? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Nhóm……

Nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi, yêu cầu | Trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu |
| Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6). Mối quan hệ đó làm rõ ý nghĩa gì của việc đọc văn? |  |

**TIẾT107: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thúc**

- HS hiểu nhận biết được hai thành phần biệt lập: Gọi- đáp và chêm xen ( phụ chú)

- Hs xác định được chức năng của thành phần gọi- đáp và thành phần chêm xen ( phụ chú), biết vận dụng, tiếp nhận và tạo lập văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện thành phần gọi- đáp và thành phần phụ chú.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **GV** đưa VD trên bảng phụ  1. **Bác ơi***,* cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu?  2. Hôm đó, chú Tiến Lê - **hoạ sĩ, bạn thân của bố tôi** - đưa theo bé Quỳnh đến chơi.  **H:**Các cụm từ “Bác ơi; hoạ sĩ, bạn thân của bố tôi ” có tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay không?  **GV:** Các cụm từ này không tham gia vào việc diễn đạt s/v của câu -> thành phần ? | HS trả lời |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thế nào là thành phần gọi- đáp và thành phần chêm xen.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **NV1 :**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  H.Nêu hiểu biết của em về thành phần gọi- đáp ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào nội dung đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức  - Cho hs đọc lại ví dụ:   * *Anh Mên ơi, anh Mên!*   (Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi)*  *ơi* là thành phần gọi - đáp mà Mon dùng để gọi Mên.   * *ÔNG GIUỐC-ĐANH: - Lại còn phải bảo cái đó à?*   *PHÓ MAY: - Vâng, phải bảo chứ. Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.*  (Mô-li-e, *Trưởng giả học làm sang)*  *- Vâng* là thành phần gọi - đáp mà phó may dùng để đáp lại lời ông Giuốc-đanh.  - Hs lấy ví dụ | **I. Các thành phần biệt lập ( tiếp)**  **3. Thành phần gọi- đáp**  **Thành phân gọi - đáp:** thành phần được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp, đuực đánh dấu bằng những từ ngữ gọi - đáp như: *ơi, thưa, dạ, vâng,..* |
| **NV 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  H.Nêu hiểu biết của em về thành phần chêm xen ( phụ chú)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào nội dung đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức  - Cho hs đọc lại ví dụ:  *- Dòng suối trong trẻo của thầy -* ***thầy âu yếm nhìn tôi -*** *em thông minh lắm!*  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người tháy đáu tiòn)*  *- Thầy âu yếm nhìn tôi* là thành phần chêm xen, có tác dụng làm rõ thái độ, tình cảm cua nhân vật.  - Hs lấy ví dụ | **4. Thành phần chêm xen (Phụ chú).**  **- Thành phẩn chêm xen (phụ chú);** thành phần được dùng để bổ sung, làm rõ thêm một đối tượng nào đó trong câu. Thành phần này thường được đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy. Cũng có khi, thành phần chêm xen còn được đặt sau dấu hai chấm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **NV1: Bài tập 1**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  **H.Tìm thành phần gọi - đáp trong các câu sau và cho biết chức năng của chúng ?**  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **- GV yêu cầu HS:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Tìm thành phần chêm xen trong các câu sau và cho biết chúng làm rõ thêm nội dung gì?**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3  **Tìm các thành phần biệt lập trong những câu sau và xác định đó là loại thành phần biệt lập nào ?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **Bài tập 1/ trang 70**  Tìm thành phần gọi - đáp trong các câu sau và cho biết chức năng của chúng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Thành phần gọi đáp | Chức năng | | a | Thưa anh | Dề Choắt dùng để gọi Dế Mèn, cách gọi thể hiện sự tôn kính của kẻ dưới với người trên. | | b | ê | Thể hiện lời gọi của Net Len, cách gọi suồng sã của Nét Len với người được gọi | | c | ơi | Thể hiện lời của những người qua đường gọi cậu bé. |   **Bài 2/ trang 30**  Tìm thành phần chêm xen trong các câu sau và cho biết chúng làm rõ thêm nội dung gì.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Thành phần chêm xen | Chức năng | | a | 1. *(của các tác giả khác).* | Làm rõ các bài thơ khác mà Xuân Diệu muốn nói đến là của tác giả khác chứ không phải của Nguyễn Khuyến. | | b | *đây là “xứ Vườn Bùi” theo đồng bào gọi cả vùng Trung Lương nằm trong xã Yên Đổ cũ, chứ không phải chỉ là khu vườn của nhà ở cụ Nguyễn Khuyến* | Giải thích thê về cụm từ vườn Bùi chốn cũ để người dọc không hiểu nhầm về phạm vi không gian được nói đến. | | c | *món mực ống mà Xe-crét-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng.* | Giải thích thêm về món yêu thích của con hải âu | | d | *(phân tích, bình giảng, bình luận)* | Làm rõ hơn về các hoạt động có liên quan đến việc “ đọc văn”, ý nói rằng phân tích, bình giảng, bình luận cũng là kết quả của việc đọc văn. |   **Bài 3/ trang 31**  Tìm các thành phần biệt lập trong những câu sau và xác định đó là loại thành phần biệt lập nào.   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Thành phần biệt lập** | | a.Hẳn | Thành phần tình thái | | b.M*ùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội* | Thành phần chêm xen | | c. Ơi | Thành phần gọi- đáp | | d. Ôi | Thành phần cảm thán | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Tạo lập 1 cuộc thoại trong đó có sử dụng thành phần gọi- đáp hoặc chêm xen.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**TIẾT 109- 112: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

1. **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Nêu được và làm rõ được vấn đề nghị luận: về một tác phẩm ( đoạn trích)

- Phát triển kĩ năng viết: viết về một tác phẩm ( truyện):nêu được chủ để, dẫn ra và phần tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc vể hình thức nghệ thuật của tác phẩm, nêu được ý nghĩa, giá trị cùa tác phẩm truyện.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, học sinh trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên 5 tác phẩm ( truyện) đã học mà em yêu thích nhất. Chia sẻ với bạn bè về một trong 5 tác phẩm ( truyện) đó*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS tham gia trò chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vào bài mới: | Hs tham gia trò chơi |

**HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện)

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện)

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Hs tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện)*  *+ Gv tổ chức hoạt động*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **1.Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện)**  **Hs tự thực hành** |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

- Biết cách phân tích văn bản mẫu

- Nhận biết được quy trình viết

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn hs tìm hiểu đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý HS vẽ các thẻ chỉ dẫn.  -GV yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi các vấn để sau:  + Phần *Mở bài* của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát vể tác phẩm như thế nào?  + Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đẽ của truyện là gì?  + Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào vẽ hình thức nghệ thuật?  + Trong các đặc điểm vể hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phần tích kĩ lưỡng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ được nêu lên chứ không phần tích?  + Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì?  -GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện trình bày, các nhóm khác nhận xét, đánh giá, bổ sung. GV chốt lại và tổng kết vấn đề.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. **Đọc và phân tích bài viết tham khảo**   **Bức tranh của em gái tôi- lời tự thú chân thành**   1. **Mở bài**   Giới thiệu về tác giả, tác phẩm và khái quát về tác phẩm   1. **Thân bài**   -Nêu ngắn gọn về nội dung chính của tác phẩm  -Dùng lí lẽ, bằng chứng chỉ ra và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về hình tượng nghệ thuật của tác phẩm  -Phân tích tác dụng nghệ thuật thể hiện tâm lí nhân vật “tôi”  -Phân tích tác dụng của nghệ thuật sử dụng ngôi kể   1. **Kết bài**   Khẳng định tâm huyết, tài năng của tác giả và ý nghĩa giá trị của tác phẩm |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện và viết được bài văn thuộc kiểu bài này

- Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu tác phẩm

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích viết, người đọc?*  *+ Em dự định lựa chọn nhân vật nào?*  *+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT về tác phẩm đó*     |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chủ đề của truyện | Đặc điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật? | Ý nghĩa của truyện? |   *+ Gv hướng dẫn hs sắp xếp phần tìm ý thành một dàn ý hoàn chỉnh*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát / trình chiếu bảng kiểm số 2, hs dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh.*  +  *Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv hướng dẫn hs chỉnh sửa bài viết theo gợi ý dưới đây*   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Gợi ý chỉnh sửa | | Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm ( nhan đề, tác giả) , nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. | Nếu chưa giới thiệu được tác phẩm , hãy viết một vài câu giới thiệu về truyện em sẽ phân tích | | Nêu nội dung chính của tác phẩm | Gạch dưới những nhận xét, đánh gía của em về tác phẩm. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung.  Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung. | | Nêu chủ đề của tác phẩm. | Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm. | | Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | Hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật đặc sắc. | | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |   *+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Lựa chọn một tác phẩm truyện yêu thích  Ví dụ: Vẻ đẹp của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa;* Sức hấp dẫn của đoạn trích *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi),...  **b. Tìm ý**  Đặt câu hỏi xoay quanh nội dung tác phẩm ( truyện)  -Chủ đề của truyện là gì?  -Đặc điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật?  -Ý nghĩa của truyện?  **c. Lập dàn ý**  - Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm ( nhan đề, tác giả) , nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  - Thân bài:  + Ý 1: Nêu nội dung chính của tác phẩm  + Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm.  + Ý 3: Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  …  - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc lại bài và chỉnh sửa  . |
|  |  |

**Bảng kiểm bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm ( nhan đề, tác giả) |  |  |
| Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. |  |  |
| **Thân bài** | Nêu nội dung chính của tác phẩm |  |  |
| Nêu chủ đề của tác phẩm. |  |  |
| Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |  |  |
| ...... |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm |  |  |
| .... |  |  |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm ( truyện) đã học

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm ( truyện) đã học trong chương trình

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm ( truyện)

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn mà HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

**\* Hướng dẫn về nhà**

GV dặn dò HS:

**BÀI 8 : TIẾT113: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(VĂN HỌC TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân *về một vấn đề xã hội*

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video về một vấn đề xã hội:

https://www.youtube.com/watch?v=8PulDj5TPys

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Sau khi xem xong video, em hãy trình bày ý kiến về vấn đề trên ?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Xác định các thao tác cần thực hiện khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ( văn học trong đời sống hiện nay )**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ( văn học trong đời sống hiện nay )

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  + Trước khi nói, em cần lưu ý điều gì?  + Khi trình bày bài nói, em cần kết hợp cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,…như thế nào?  + Sau khi nói, em có cần trao đổi lại với người nghe hay không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về ***các bước trình bày bài nói***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Trước khi nói**  - Xác định nội dung nói : văn học trong đời sống hiện nay.  *- Thu thập tư liệu và tìm ý :*  + Tìm kiếm các tư liệu về vai trò, vị trí của văn học; cơ hội và thách thức của văn học trong đời sống hiện nay.  *+ Tập trung suy nghĩ về một số vấn đề và đặt ra các câu hỏi để tìm.*  -Xây dựng dàn ý bài nói :  + Xác định luận điểm  + Sử dụng các lí lẽ.  + Bằng chứng làm sáng tỏ các vấn đề  - Dự kiến các ý kiến phản biện của người nghe để chuẩn bị trao đổi, đối thoại  **2. Trình bày bài nói**  - Trình bày theo nội dung đã được chuẩn bị :  + Mở đầu: Nêu các vấn đề, khẳng định tầm quan trọng của văn học đối với đời sống và những thách thức đặt ra cho bối cảnh hiện nay.  + Triển khai: Trình bày các luận điểm triển khai vấn đề ( có thê xác định luận điểm dựa vào vai trò, vị trí của văn học, thách thức của văn học trong đời sống hiện nay.  + Kết luận: Dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Lưu ý: Khi trình bày, cần chỉnh giọng nói, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,… phù hợp với nội dung nói; có thể kết hợp phương tiện hỗ trợ ( tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,…) để phần trình bày thêm sinh động.  **3. Sau khi nói**  Người nói và người nghe cùng trao đổi về các vấn đề sau :  - Nội dung và cách thức trình bày của người nói ( đánh giá tính thuyết phục của hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; nhận xét về cách nói, giọng nói, cách sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ,…)  - Ý kiến và cách phản biện của người nghe ( đánh giá tính xác đáng, hợp lí của ý kiến; nội dung phản biện; cách tiếp nhận ý kiến của người nói )  -Thái độ và sự tương tác giữa người nói và người nghe ( đánh giá sự tôn trọng đối với người đối thoại, mức độ tương tác; tích cực hay rời rạc,…) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Trình bày ý kiến ngắn về một vấn đề xã hội ( văn học trong đời sống hiện nay )

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV thu bảng đánh giá

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài Củng cố, mở rộng

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tiêu chí* | | *Chưa tốt* | *Tốt* | *Xuất sắc* |
| *Mở đầu* | *Có lời chào ban đầu và giới thiệu* |  |  |  |
| *Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)* |  |  |  |
| *Nội dung chính* | *Các luận điểm triên khai về vấn đề xã hội đã được giới thiệu rõ ràng chưa?* |  |  |  |
| *Nội dung bài nói đã làm rõ được vai trò, vị trí của văn học và những thách thức của văn học trong đời sống hiện nay chưa ?* |  |  |  |
| *Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về các luận điểm của vấn đề được thể hiện như thế nào?* |  |  |  |
| *Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?* |  |  |  |
| *Kết thúc* | *Khẳng định được vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Đã dùng lí lẽ, bằng chứng đê làm sáng tỏ luận điểm chưa* |  |  |  |
| *Kỹ năng trình bày* | *Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói* |  |  |  |
| *Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói* |  |  |  |
| *Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe* |  |  |  |

**TIẾT 114 TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**​I

**I. MỤC TIÊU  
  
1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**  
  
- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NL về phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)  
  
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.  
  
**2. Năng lực  
  
a. Năng lực chung**  
  
- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, năng lực giao tiếp.  
  
**b. Năng lực riêng biệt**  
  
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.  
  
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NL phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)  
  
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.  
  
**3. Phẩm chất:**  
  
- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.  
  
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU  
  
1. Chuẩn bị của giáo viên:**  
  
- Giáo án, SGK  
  
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.  
  
**2. Chuẩn bị của học sinh:**Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra. **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC  
  
A. KHỞI ĐỘNG  
  
a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.  
  
**b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.  
  
**c. Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã học  
  
**d. Tổ chức thực hiện:  
  
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  
  
- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*  
  
**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  
  
- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.  
  
**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  
  
- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  
  
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  
  
- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.  
  
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì vừa rồi*  
  
**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  
  
Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài  
  
a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.  
  
**b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.  
  
**c. Sản phẩm học tập:**HS so sánh bài làm với đáp án.  
  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS**​ | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**​ |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NL phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)  GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NL phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Cần lưu ý điều gì với bài Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi | **1. Yêu cầu đối với bài văn NL phân tích một tác phẩm văn học** (một tác phẩm truyện)  Lưu ý: Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc (những biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá; từ láy tượng hình, tượng thanh; câu cảm thán;...). **2. Bài Đọc hiểu** |

**Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm  
  
a. Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:  
  
**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  
  
**c. Sản phẩm học tập:**H HS rút kinh nghiệm bài viết.  
  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS**​ | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**​ |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận. | **II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm:** + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. **2. Nhược điểm:** - Một số em chưa biết cách làm bài : \* Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm: chưa nêu hết được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. + Bài văn nêu còn sơ sài, thiếu phần lí luận \* Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ẩu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề **3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài:** - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, … - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. **III. Trả bài – Gọi điểm:** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP  
  
a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.  
  
**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.  
  
**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.  
  
**d. Tổ chức thực hiện:  
  
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  
  
*- GV yêu cầu HS:*Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.  
  
**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  
  
-**HS đọc và hoàn thành bài tập  
  
**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  
  
- HS hoàn thiện bài viết của mình.  
  
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  
  
- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.  
  
**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG  
  
a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết  
  
**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.  
  
**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.  
  
**d. Tổ chức thực hiện:  
  
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  
  
- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:  
  
*Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn NL về vấn đề từ nhân vật trong tác phẩm văn học?*